

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LONG PHÚ  
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 63/2024/DS-ST  
Ngày: 28-8-2024  
V/v Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trương Thái Ngọc

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Thạch Hoàng Tha.

Ông Võ Văn Phụng.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Huỳnh Gia Mẫn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:* Bà Lê Hồng Như - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 91/2024/TLST-DS ngày 21 tháng 6 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 122/2024/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Công ty cổ phần S; Địa chỉ số A N, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

*Người đại diện theo ủy quyền của Công ty cổ phần S:* Ông Võ Anh H – Chức vụ: Nhân viên Công ty cổ phần S - Địa chỉ: Số D, đường L, Phường C, thành phố T, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

*Bị đơn:* Ông Võ Hoàng N; Sinh năm 1982; Địa chỉ: Ấp S, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* *Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/6/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Công ty cổ phần S trình bày:*

Vào ngày 06/3/2023, ông Võ Hoàng N có đến địa chỉ của Công ty tại Số D, đường L, Phường C, thành phố T, tỉnh Sóc Trăng, để ký hợp đồng cầm cố tài sản. Cụ thể theo hợp đồng số: STM230301001NA19X được ký giữa các bên ngày 06/3/2023 số đăng ký Giao dịch Đảm bảo trên Hệ thống Đăng ký Trực tuyến của Cục đăng ký

quốc gia: Giaodichdambao/botuphap: 1490883062 theo web: <https://dktructuyen.moj.gov.vn/> với thỏa thuận, ông Võ Hoàng N thống nhất cầm cố tài sản là: 01 xe mô tô hai bánh BKS 83P4-074.15. Loại xe HONDA FUTURE FI 125CC Màu: ĐỎ, ĐEN. Số khung 7626KY001901; Số máy JC76E1005959 đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 259839 do Công an tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 26/6/2019 với giá trị hợp đồng là 15.400.000 đồng (Mười lăm triệu bốn trăm nghìn đồng); thời hạn cầm cố là 12 tháng (từ 06/3/2023-06/9/2024) với mức lãi suất là 1,1%/tháng. Theo hợp đồng cầm cố đã ký thì Công ty đã giải ngân đầy đủ số tiền trên cho ông Võ Hoàng N.

Do nhu cầu cần có xe đi lại hàng ngày nên Công ty có ký giấy cho ông Võ Hoàng N mượn lại xe sử dụng. Trong Giấy mượn xe có quy định rõ thời hạn mượn xe từ 30/11/2020 đến 30/12/2020 địa điểm trả xe là tại chi nhánh Trần Đề của Công ty. Ông Võ Hoàng N có cam kết rõ ràng trong giấy mượn xe: “Hoàn trả lại tài sản mượn đúng thời hạn và địa điểm đã thỏa thuận”.

Quá trình trả nợ, ông Võ Hoàng N chưa thanh toán đúng nghĩa vụ theo hợp đồng cho Công ty, đến nay đã quá hạn hợp đồng hiện tại trễ 996 ngày, ông Võ Hoàng N không trả nợ cho Công ty và cũng không trả lại xe máy cho Công ty.

Nhân viên của Công ty đã nhiều lần liên hệ qua điện thoại và đến nhà ông Võ Hoàng N tại địa chỉ: Ấp S, xã T, huyện L, Sóc Trăng nhưng đều không gặp. Công ty cổ phần S đã tạo rất nhiều điều kiện về thời gian để ông Võ Hoàng N trả lại tiền hoặc tài sản là xe máy đã cầm cố cho Công ty Công ty cổ phần S, nhưng ông Võ Hoàng N không thực hiện và có biểu hiện trốn tránh, chiếm đoạt tài sản Công ty Công ty cổ phần S.

Nay Công ty cổ phần S yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Long Phú giải quyết như sau:

Buộc ông Võ Hoàng N phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo theo Hợp đồng cầm cố, giấy mượn xe đã ký với Chi nhánh Sóc Trăng- Công ty cổ phần S số STM230301001NA19X ngày 06/3/2023 toán số tiền 13.431.000 đồng (Mười chín triệu, bảy trăm năm mươi ba nghìn đồng) tạm tính đến ngày 13/06/2024 bao gồm:

- + Gốc: 13.129.000 đ
- + Lãi trong hạn: 2.166.000 đ (1,1%/ tháng)
- + Lãi quá hạn: 7.915.000 đ (1,65%/ tháng)

Ngoài ra ông Võ Hoàng N còn phải tiếp tục chịu lãi suất, phí phát sinh theo hợp đồng cầm cố đã ký kể từ ngày 14/06/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn đã giao nộp tài liệu chứng cứ bao gồm:

+ Số Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 259839 do Công an tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 26/6/2019 (công chứng);

+ Hợp đồng số: STM230301001NA19X ngày 06/3/2023 kèm theo phụ lục hợp đồng (công chứng);

- + Giấy ủy quyền ngày 06/3/2023 giữa ông Võ Hoàng N với Công ty cổ phần S chi nhánh Sóc Trăng (photo);
- + Phiếu đăng ký cầm cố xe máy ngày 06/3/2023 (photo);
- + Giấy mượn xe ngày 06/3/2023 (công chứng);
- + Giấy ủy quyền giữa Công ty cổ phần S với ông Võ Anh H ngày 31/10/2023 (công chứng);
- + Căn cước công dân tên Võ Anh H (công chứng);
- + Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mã số doanh nghiệp 2901807716 ngày đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 29/10/2020 (bản công chứng);
- + Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh mã số 2901807715-045 ngày thay đổi lần thứ 1 ngày 21/4/2023 (bản công chứng);
- + Hộ chiếu/ thị thực (bản công chứng);

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Long Phú đã tiến hành xác minh về ông Võ Hoàng N hiện tại vẫn còn đăng ký thường trú tại Ấp S, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. Sau khi thụ lý vụ án, việc cấp tổng đạt các văn bản tố tụng được cho ông Võ Hoàng N không thường xuyên có mặt tại nơi cư trú và được bà Lê Thị U là vợ nhận thay cũng như sau đó không có người thân nhận thay. Do đó việc cấp tổng đạt được thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 177 và Điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên đến nay ông Võ Hoàng N vẫn không đến Tòa án để trình bày ý kiến.

Tại phiên tòa hôm nay,

\* Người đại diện theo ủy quyền nguyên đơn là ông Võ Anh H xác định nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc ông Võ Hoàng N có nghĩa vụ thanh toán đối với hợp đồng cầm cố tài sản số STM230301001NA19X ngày 06/3/2023 là 15.285.657 đồng. Trong đó, tiền gốc: 13.129.000 đồng. Tiền lãi trong hạn tính từ ngày 07/6/2023 đến ngày 28/8/2024 là 2.156.657 đồng. Thay đổi so với yêu cầu khởi kiện số tiền lãi trong hạn và không yêu cầu lãi quá hạn do chưa phát sinh quá hạn.

Công ty cổ phần S trả lại Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 259839 do Công an tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 26/6/2019 khi ông Võ Hoàng N thực hiện xong nghĩa vụ trả tiền.

\* Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt.

\* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn chưa chấp hành quy định.

+ Áp dụng Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 244, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 280, Điều 309, khoản 4 Điều 313, Điều 468 Bộ luật dân sự; Khoản 6 Điều 29 Nghị định 96/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ; Khoản 2 Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Võ Hoàng N trả lại cho Công ty cổ phần S số tiền là 15.285.657 (Mười lăm triệu, hai trăm tám mươi lăm nghìn, sáu trăm năm mươi bảy) đồng. Trong đó, tiền gốc: 13.129.000 (Mười ba triệu một trăm hai mươi chín nghìn) đồng. Tiền lãi trong hạn tính từ ngày ngày 07/6/2023 đến ngày 28/8/2024 là 2.156.657 (Hai triệu, một trăm năm mươi sáu nghìn sáu trăm năm mươi bảy) đồng. Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày Công ty cổ phần S có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng ông Võ Hoàng N phải trả lãi cho Công ty cổ phần S đối với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về xét xử vắng mặt: Tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Võ Hoàng N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 3 Điều 235 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[1.2] Về xác định quan hệ tranh chấp: Công ty cổ phần S (tên viết tắt S) khởi kiện buộc ông Võ Hoàng N phải trả nợ cho Công ty cổ phần S (tên viết tắt S) toàn bộ số tiền bao gồm nợ gốc và nợ lãi phát sinh theo Hợp đồng cầm cố, giấy mượn xe số STM230301001NA19X ngày 06/3/2023 thanh toán số tiền 13.431.000 đồng (trong đó: tiền gốc là 8.894.000 cùng với lãi trong hạn từ ngày 31/10/2022 đến 30/5/2023 là 979.000 đồng, lãi quá hạn từ ngày 31/5/2023 đến ngày 28/8/2024 là 3.558.000 đồng được xác định đây là vụ án dân sự với quan hệ tranh chấp là “Hợp đồng cầm cố tài sản” theo quy định tại Điều 309 của Bộ luật Dân sự 2015 và khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Võ Hoàng N có địa chỉ Ấp S, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.4] Xét về thay đổi yêu cầu khởi kiện: Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định thay đổi số tiền thanh toán của lãi trong hạn từ 2.166.000 đồng thành số tiền 2.156.657 đồng và không yêu cầu tính lãi quá hạn do

chưa phát sinh. Hội đồng xét xử thấy rằng việc thay đổi số tiền lãi trong hạn của nguyên đơn là có lợi cho bị đơn và việc thay đổi yêu cầu này không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu theo quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân nên được chấp nhận.

[2] Về nội dung vụ án: Ông Võ Hoàng N đã giao kết với Công ty TNHH S – chi nhánh Sóc Trăng hợp đồng cầm cố số: STM230301001NA19X ngày 06/3/2023. Theo nội dung của hợp đồng trên, ông Võ Hoàng N cầm cố tài sản là: Ông Võ Hoàng N đã giao kết với Công ty TNHH S – chi nhánh Sóc Trăng hợp đồng cầm cố số: STM230301001NA19X ngày 06/3/2023. Theo nội dung của hợp đồng trên, ông Võ Hoàng N cầm cố tài sản là: 01 xe mô tô hai bánh BKS 83P4-074.15.Loại xe HONDA FUTURE FI 125CC Màu: ĐỎ, ĐEN. Số khung 7626KY001901; Số máy JC76E1005959. Số Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 259839 do Công an tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 26/6/2019. Với giá trị là 15.400.000 đồng (Mười lăm triệu bốn trăm nghìn đồng); thời hạn cầm cố là 18 tháng (từ 06/3/2023 đến 06/9/2024) với mức lãi suất là 1,1%/ tháng. Giao dịch Đảm bảo trên Hệ thống Đăng ký Trực tuyến của Cục đăng ký quốc gia: Giaodichdambao/botuphap: 1490883062 theo web: <https://dktructuyen.moj.gov.vn/>

[2.1] Theo tài liệu chứng cứ thể hiện giao dịch chuyển tiền từ Công ty TNHH S Việt Nam chuyển đến số tài khoản VND06800270303202 (nhận bằng CMND) mang tên Võ Hoàng N vào ngày 06/3/2023 với nội dung ST-HD so STM230301001NA19X(VO HOANG NHI) với số tiền 14.095.000 đồng và trừ các khoản phí phí bảo hiểm (924.000đ), phí bảo đảm tài sản (150.000đ) và phí ban đầu (231.000đ) do ông Võ Hoàng N phải chịu.

[2.2] Hợp đồng cầm cố tài sản được các bên xác lập trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, không bị lừa dối hay bị ép buộc nên đây là hợp đồng hợp pháp phù hợp với quy định với Điều 309 Bộ luật Dân sự năm 2015; đồng thời, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng và thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho ông Võ Hoàng N biết nhưng ông Võ Hoàng N không có ý kiến phản đối gì. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định ông Võ Hoàng N (bên cầm cố) đã giao tài sản thuộc quyền sở hữu của mình là 01 xe mô tô hai bánh BKS 83P4-074.15; Loại xe HONDA FUTURE FI 125CC Màu: ĐỎ, ĐEN có số khung 7626KY001901; Số máy JC76E1005959 đã được Công an tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 259839 do cấp ngày 26/6/2019 cho Công ty TNHH S Việt Nam để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ với số tiền là 15.400.000 đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng tính đến ngày 01/11/2022 thì ông Võ Hoàng N còn nợ Công ty được số tiền gốc là 13.129.000 đồng và tiền lãi trong hạn là 2.166.000 đồng cùng với tiền lãi quá hạn là 7.915.000 đồng. Từ đó đến nay ông Võ Hoàng N không trả tiền gốc và lãi cho Công ty nữa là vi phạm nghĩa vụ theo giao kết trong hợp đồng cầm cố, đã vi phạm Điều 4 của Hợp đồng cầm cố tài sản và Điều 4 của phụ lục hợp đồng mà các bên đã ký kết.

[2.3] Theo Điều 6 của hợp đồng cầm cố tài sản STM230301001NA19X ngày 06/3/2023 và phụ lục hợp đồng các bên đã thống nhất thỏa thuận: *“Kể từ ngày đến hạn trả nợ gốc theo các kỳ hạn hoặc kết thúc thời hạn cầm cố hoặc khi SVN quyết*

*định chấm dứt cho cầm cố, thu hồi nợ trước hạn, nếu Khách hài hết số nợ gốc phải trả đúng hạn thì số nợ gốc không được trả đúng hạn bị chuyển sang nợ quá hạn và áp dụng lãi suất như sau:*

*- Đối với phần dư nợ gốc của kỳ hạn chưa đến hạn trả nợ thì áp dụng mức lãi suất trong hạn.*

*- Đối với phần dư nợ gốc bị chuyển sang nợ quá hạn thì áp dụng mức lãi suất quá hạn.”*

[2.4] Đối với yêu cầu tính lãi của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại hợp đồng cầm cố tài sản số: STM230301001NA19X ngày 06/3/2023 giữa Công ty và ông Võ Hoàng N đã giao kết mức lãi suất là 1,1%/tháng; lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Do đó, mức lãi suất của hợp đồng các bên đã ký kết là phù hợp theo quy định tại khoản 6 Điều 29 Nghị định 96/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ, khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên bị đơn phải có nghĩa vụ trả lãi cho nguyên đơn theo hợp đồng đã giao kết. Việc bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả tiếp dư nợ gốc và lãi theo giao kết trong hợp đồng đã vi phạm hợp đồng cho vay mà các bên đã ký kết, bị đơn là người có lỗi và là người vi phạm hợp đồng nên phải chịu mọi hậu quả theo giao kết và theo quy định của pháp luật. Như vậy, ông Võ Hoàng N phải có nghĩa vụ trả cho Công ty số tiền gốc và lãi phát sinh theo giao kết của hợp đồng đến ngày 28/8/2024 với số tiền là 15.285.657 đồng (trong đó: tiền gốc là 13.129.000 cùng với lãi trong hạn từ ngày 07/6/2023 đến ngày 28/8/2024 là 2.156.657 đồng là có căn cứ, phù hợp với nội dung thỏa thuận về việc trả nợ gốc lãi, chuyển nợ quá hạn tại hợp đồng cầm cố tài sản đã ký kết là phù hợp theo quy định tại Điều 280, Điều 309 Bộ luật Dân sự 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.5] Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày Công ty cổ phần S có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng ông Võ Hoàng N phải trả lãi cho Công ty cổ phần S đối với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[2.6] Bên cạnh đó, Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến và buộc Công ty cổ phần S trả lại Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 259839 do Công an tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 26/6/2019 khi ông Võ Hoàng N thực hiện xong nghĩa vụ trả tiền.

[2.7] Từ những phân tích trên, đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần S (tên viết tắt S).

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên Công ty cổ phần S (tên viết tắt S) không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông Võ Hoàng N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo bản án: Căn cứ vào Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Công ty cổ phần S (tên viết tắt S) có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; ông Võ Hoàng N có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú phát biểu tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 95, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 3 Điều 235, khoản 1 Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 280, Điều 309, khoản 1 Điều 310, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật sự năm 2015;

Căn cứ Khoản 6 Điều 29 Nghị định 96/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ; Khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần S (tên viết tắt S):

1/ Buộc ông Võ Hoàng N có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty cổ phần S (tên viết tắt S) số tiền nợ gốc, lãi phát sinh trong hạn và lãi quá hạn theo hợp đồng cầm cố số: STM230301001NA19X ngày 06/3/2023 là 15.285.657 (Mười lăm triệu, hai trăm tám mươi lăm nghìn, sáu trăm năm mươi bảy) đồng. Trong đó, tiền gốc: 13.129.000 (Mười ba triệu một trăm hai mươi chín nghìn) đồng. Tiền lãi trong hạn tính từ ngày ngày 07/6/2023 đến ngày 28/8/2024 là 2.156.657 (Hai triệu, một trăm năm mươi sáu nghìn sáu trăm năm mươi bảy) đồng.

2/ Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày Công ty cổ phần S có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng ông Võ Hoàng N phải trả lãi cho Công ty cổ phần S đối với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3/ Ghi nhận ý kiến và buộc Công ty cổ phần S trả lại Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 259839 do Công an tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 26/6/2019 khi ông Võ Hoàng N thực hiện xong nghĩa vụ trả tiền.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Công ty cổ phần S (tên viết tắt S) không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng đã nộp là 580.000 (Năm trăm tám mươi nghìn) đồng theo biên lai số 0005479 ngày 19/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Phú. Ông Võ Hoàng N phải chịu án dân sự sơ thẩm là 764.283 đồng (Bảy trăm sáu mươi bốn nghìn hai trăm tám mươi ba) đồng.

4/ Về quyền kháng cáo: Công ty cổ phần S (tên viết tắt S) có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án và ông Võ Hoàng N có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh ST (P.KTNV&THA);
- VKSND huyện LP;
- Chi cục THADS huyện LP;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trương Thái Ngọc**